TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2022/HCPT
Ngày 11 tháng 5 năm 2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Lực;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Hạnh;

Ông Phạm Việt Hà.

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thu Mai, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11/5/2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 86/2021/TLPT-HC ngày 04/3/2021, về: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai". Do có kháng cáo của người khởi kiện, đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 345/2020/HC-ST ngày 28/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3861/2022/QĐ-PT ngày 25/4/2022, giữa các đương sự sau:

1. Người khởi kiện: Vũ Văn S, sinh năm 1960. Địa chỉ: Khu Tiên S, thị trấn C, huyện C, thành phố Hà Nội; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Ngọc Hùng, Ông Vương Văn Quân - Luật sư Văn phòng Luật sư Kết Nối thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt luật sư Quân – vắng mặt luật sư Hùng.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình H, chức vụ: Chủ tịch; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Minh H, chức vụ: Phó Chủ tịch; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Khắc Toàn, chức vụ: Phó Giám đốc - Trung tâm phát triển quỹ đất huyện C; ông Nguyễn Thanh Lãi, là Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chủ tịch UBND thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông

Chu Ngọc A, chức vụ: Chủ tịch; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc H, chức vụ: Phó Chủ tịch; vắng mặt.

3.2. Chủ tịch UBND huyện C. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình Hoa, chức vụ: Chủ tịch; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Minh Hiến, chức vụ: Phó Chủ tịch; vắng mặt.

3. UBND thị trấn C, huyện C. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến H, chức vụ: Chủ tịch; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân C, chức vụ: Phó Chủ tịch; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi cho UBND thị trấn C: Ông Bùi Bá C, là Công chức địa chính; vắng mặt.

3.4. Bà Bùi Thị H, sinh năm 1962.

3.5. Anh Vũ Minh H, sinh năm 1989.

3.6. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995.

3.7. Chị Vũ Thị Cẩm N, sinh năm 1986.

Đều trú tại: Khu Tiên S, thị trấn C, huyện C, thành phố Hà Nội.

Đại diện ủy quyền của bà Hoa, anh Hưng, chị Huyền, chị Nhung là ông Vũ Văn S; trú tại: Khu Tiên S, thị trấn C, huyện C, Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Người khởi kiện ông Vũ Văn S trình bày và yêu cầu: Ngày 02/5/2019, UBND huyện C ban hành Quyết định số 2617/QĐ-UBND, về việc thu hồi đất; Quyết định số 2625/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình ông Vũ Văn S. Diện tích đất bị thu hồi 81,9m^2; tổng số tiền được bồi thường, hỗ trỗ là 549.701.825 đồng; không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ về đất và tái định cư. Ngày 16/5/2019, ông Sửu làm đơn khiếu nại Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 02/5/2019, về nội dung gia đình ông không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ về đất và tái định cư. UBND huyện C xác nhận gia đình ông không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ về đất do diện tích đất bị thu hồi là đất hành lang bảo vệ đường bộ, không đủ điều kiện tái định cư do gia đình ông Sửu có nhà ở tại khu Bình Sơn, thị trấn C. Ngày 06/8/2019, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 4891/QĐ-UBND, về việc giải quyết khiếu nại của ông Sửu (lần đầu) nội dung: Giữ nguyên Quyết định số 2625/QĐ- UBND ngày 02/5/2014 của UBND huyện C. Sau đó, không đồng ý với việc giải quyết khiếu nại ông Sửu làm đơn khiếu nại. Trên cơ sở xác minh cửa thanh tra thành phố Hà Nội. Ngày 22/01/2020, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 461/QĐ-UBND, về việc giải quyết khiếu

nại của ông Sửu (lần 2) nội dung: Đồng ý và giữ nguyên nội dung Quyết định số 4891/QĐ-UBND. Ông Vũ Văn S cho rằng: UBND huyện xác định không đúng về nguồn gốc đất của gia đình ông. Nguồn gốc đất của gia đình ông là do năm 1980, bà Nguyễn Thị Thực làm đơn xin cấp đất đến ngày 12/02/01982, được UBND xã Ngọc Hòa cấp đất với diện tích khoảng 100m^2. Năm 1989, bố mẹ sang tên cho ông toàn bộ diện tích đất này. Năm 1992, ông xây dựng lại nhà và tường bao để xác định mốc giới, trong quá trình sử dụng không phát sinh tranh chấp. Ngoài ra, diện tích đất bị thu hồi giáp ranh đất nhà ông, mặc dù cùng loại đất nhưng lại được bồi thường với giá trị cao hơn. Hiện gia đình ông có 6 khẩu, bị thu hồi còn lại diện tích 10,5m^2, khó khăn về chỗ ở, gia đình mong muốn mua 01 suất tái định cư để sinh sống ổn định. Do đó, ông Sửu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội, Chủ tịch UBND huyện C đối với quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND huyện C. Người khởi kiện yêu cầu giải quyết nội dung: Hủy Quyết định số 2617/QĐ-UBND ngày 02/5/2017 của UBND huyện C, về việc thu hồi 81,9m^2 đất do hộ ông Vũ Văn S sử dụng đất để thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng và chính trang Quốc lộ 6, qua địa phận thị trấn C, huyện C; Huỷ Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 UBND huyện C, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình ông Vũ Văn S.

2. Đại diện của người bị kiện UBND và Chủ tịch huyện C có quan điểm: Ngày 25/10/2011, UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 4940/QĐ-UBND, về việc phê duyệt chỉ giới đường đỏ Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp, mở rộng và chỉnh trang 2,3km đường Quốc lộ 6 (đoạn km 19-920 đến km 22+220) qua địa phận thị trấn C, huyện C; Quyết định số 5757/QĐ-UBND ngày 12/12/2011 của UBND thành phố Hà Nội, về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình. Ngày 02/11/2011, UBND huyện C đã ban hành Thông báo số 166/TB-UBND, về chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án. Thực hiện theo Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội, về việc ban hành quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Hà Nội, về bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội, về việc ban hành quy định một số nội dung về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội. Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất bị thu hồi của hộ ông Vũ Văn S: Vị trí, diện tích sử dụng đất tại thửa thu hồi; Hộ sử dụng đất thuộc thửa số 11, mảnh trích đo địa chính số 152 - 2018 được UBND huyện duyệt ngày 18/01/2019; Tổng diện tích đất đang sử dụng: 92.4 m^2; Diện tích đất thu hồi: 81,9m^2; Diện tích đất còn lại ngoài phạm vị GPMB: 10,5 m^2. Nguồn gốc, quá trình sử dụng

đất: Gia đình cụ Thực và cụ Thắm (bố mẹ ông Sửu) có giấy xin đất ở khoảng 80m^2 và được UBND xã Ngọc Hòa xác nhận ngày 12/2/1982. Ngày 11/9/1989, cụ Thực và cụ Thắm viết giấy sang tên nhà ở cho con trai là ông Vũ Văn S toàn bộ diện tích thửa đất, ghi diện tích là 100m^2 đã được UBND xã Ngọc Hòa xác nhận cùng ngày. Tổng diện tích hiện đang sử dụng là 92,4m^2 có ranh giới rõ ràng, các hộ liền kề đều nhất trí ranh giới, mốc giới giáp ranh, không tranh chấp. Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Phương án bồi thường hỗ trợ về đất tổng diện tích đất thu hồi: 81,9m^2. Trong đó: 41,9m^2 có nguồn gốc là đất do UBND xã Ngọc Hòa xác nhận theo đơn xin đất tháng 02/1982, vi phạm Khoản 2, Mục V, Quyết định số 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ, về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước, hiện thuộc đất hành lang giao thông đường Quốc lộ 6. Không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất(GCNQSDĐ) theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Căn cứ Điều 75, khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013, không được bồi thường về đất. 13,4m^2 có nguồn gốc là đất hành lang lưới điện theo quy định tại Nghị định số 161-CP ngày 20/8/1971 của Chính phủ (Công ty điện lực Chương Mỹ có văn bản xác nhận đường điện 35KV từ Ba La đến trung gian Chúc Sơn được đưa vào vận hành từ năm 1965), UBND xã Ngọc Hòa xác nhận theo đơn xin đất ở tháng 2/1982 vi phạm Khoản 2, Mục V, Quyết định số 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ. Không đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; Không được bồi thường về đất theo quy định tại Điều 75, khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai; 26,0m^2 có nguồn gốc là đất hành lang bảo vệ công trình giao thông đường Quốc lộ 6 do Nhà nước quản lý, hộ lấn, chiếm dụng vi phạm quy định tại Nghị định số 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng, nhưng cơ quan nhà nước có thẩm quyền không ngăn chặn, xử lý kịp thời. Không đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014: Không đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định tại Điều 75, khoản 1 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013. Phương án bồi thường hỗ trợ về tài sản trên đất: Tài sản xây dựng trên đất hành lang giao thông, không có văn bản ngăn chặn của cấp có thẩm quyền, thời điểm xây dựng năm 1992 được hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 14, Quyết định 10/QĐ-UBND năm 2017 của UBND thành phố Hà Nội. Các chính sách hỗ trợ: Hộ ông Vũ Văn S không bị thu hồi đất ở, bị phá dỡ nhà ở, hộ trực tiếp ăn ở trên đất thu hồi. Căn cứ Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội. Hộ được khoản hỗ trợ ổn định đời sống (điểm a, khoản 1, điều 24, QĐ10). Về tái định cư: Hộ ông Sửu có nhà ở tại khu Bình Sơn. Năm 2012, gia đình ông Sửu họp gia đình cho tặng 2 con thửa đất trên, được UBND thị trấn xác nhận. Tuy nhiên, sổ hộ khẩu gia đình vẫn bao gồm cả các con, cháu do ông Sửu đứng tên chủ hộ. Diện tích còn lại sau thu hồi nhỏ hơn 30m^2. Hộ không được bố trí đất tái

định cư.

Căn cứ UBND huyện C ban hành Quyết định thu hồi đất số 2017/QĐ-UBND ngày 02/5/2019; Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 02/5/ 2019, về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Vũ Văn S. Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định giá đất; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/TT-BTN&MT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Căn cứ Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội, về việc ban hành quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Hà Nội về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội, về việc ban hành quy định một số nội dung về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội; Căn cứ Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND thành phố Hà Nội, về việc ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2019; Căn cứ Quyết định số 6712/2016/QĐ-UBND ngày 07/12/2016 của UBND thành phố Hà Nội, về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất ở cụ thể làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ GPMB và thu tiền sử dụng đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp mở rộng và chỉnh trang quốc lộ 6 (đoạn Km19-920 đến Km22+220), qua địa phận thị trấn C, huyện C; Căn cứ Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 03/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội, về việc ban hành giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm, vật kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; Căn cứ mảnh trích đo địa chính số 152 - 2018 được UBND huyện duyệt ngày 18/01/2019 và xác nhận nguồn gốc đất đai của UBND thị trấn C. Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB hộ ông Sửu được nhận là: 549.701.825 đồng. Quá trình GPMB, hộ ông Sửu không đồng ý với Quyết định phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 2625/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 của UBND huyện C, ông Vũ Văn S đã có đơn khiếu nại. Ngày 06/8/2019, Chủ tịch UBND huyện C đã ban hành Quyết định số 4891/QĐ-UBND, về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Vũ Văn S. Theo

quyết định giải quyết khiếu nại thì giữ nguyên Quyết định nêu trên. Ngày 22/01/2020, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 461/QĐ-UBND, về việc giải quyết khiếu nại lần hai của Vũ Văn S. Theo quyết định giải quyết khiếu nại, giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện C. Quan điểm của UBND huyện C: UBND huyện C khẳng định việc ban hành Quyết định thu hồi đất số 2017/QĐ-UBND ngày 02/5/2019; Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 02/5/2019, về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Vũ Văn S để thực hiện dự án, đúng với trình tự quy định Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; Nghị định số 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017. Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội. Quyền lợi hợp pháp của hộ ông Vũ Văn S đã đảm bảo theo đúng chính sách quy định của Nhà nước. Ngày 10/9/2019, hộ ông Vũ Văn S đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB theo phương án đã phê duyệt. Vậy, giữ nguyên Quyết định số 2617/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 về thu hồi đất; Quyết định số 2625/ QĐ-UBND ngày 02/5/2019, về phê duyệt phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Vũ Văn S để thực hiện dự án cải tạo nâng cấp, mở rộng và chính trang quốc lộ 6 (đoạn km 19-920 đến km 22-220) qua địa phận thị trấn C, huyện C, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân thị trấn C: Theo hồ sơ quản lý đất đai lưu tại UBND, thì diện tích đất bị thu hồi tại thửa đất số 11, tờ bản đồ số 02, bản đồ 1/500 phục vụ giải phóng mặt bằng do hộ gia đình ông Vũ Văn S đang sử dụng, có tổng diện tích là 92,4m^2 chưa được cấp GCNQSDĐ, trong đó diện tích bị thu hồi tại dự án là 81,9 m^2, diện tích còn lại là 10,5 m^2. Nguồn gốc đất do cụ Thục và ông Thắm là bố mẹ đẻ của ông Sửu có đơn xin đất khoảng 80m^2, được UBND xã Ngọc Hòa xác nhận, ngày 12/02/1982 không rõ diện tích. Ngày 11/9/1989, cụ Thục và cụ Thắm viết giấy sang tên con trai là ông Vũ Văn S toàn bộ diện tích đất, có ghi 100m^2, được UBND xã Ngọc Hòa xác nhận cùng ngày, năm 1992 gia đình ông Sửu xây dựng lại nhà và sử dụng ổn định không có tranh chấp gì. Đối với diện tích đất bị thu hồi là 81,9m^2, trong đó: Diện tích 41,9m^2 (là đất trước ngày Nghị định 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng có hiệu lực thi hành, sau Quyết định 201/CP ngày 01/7/1980 thống nhất về quản lý đất đai). Diện tích 13,4m^2 là đất hành lang lưu không đường điện 35KV theo Nghị định 161-CP ngày 20/8/1971 và Nghị định 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014. Diện tích 26,6m^2 có nguồn gốc là đất sử dụng sau ngày Nghị định 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng có hiệu lực thi hành, nhưng cơ quan nhà nước có thẩm quyền không ngăn chặn, xử lý kịp thời. Quan điểm UBND thị trấn C đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của

pháp luật.

3.2. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do ông Vũ Văn S là đại diện ủy quyền (gồm: bà Hoa, chị Nhung, chị Huyền, anh Hưng): thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn S.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 345/2020/HC-ST ngày 28/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, đã quyết định: Áp dụng khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 30; Điều 32; khoản 1 Điều 158; Khoản 1, Điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 206; Khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính. Điểm a khoản 2 Điều 66; Điều 67; Điều 69; Điều 74; Điều 75; Điều 82 Luật Đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013. Xử Bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn S về việc yêu cầu hủy các quyết định: Quyết định số 2617/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 của UBND huyện C, về việc thu hồi 81,9 m^2 do hộ ông Vũ Văn S sử dụng đất để thực hiện dự án cải tạo nâng cấp mở rộng và chính trang quốc lộ 6; Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 của UBND huyện C, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình ông Vũ Văn S; Quyết định số 4891/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 của Chủ tịch UBND huyện C, về việc giải quyết khiếu nại của ông Sửu (lần đầu); Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội, về việc giải quyết khiếu nại của ông Sửu (lần 2). Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Vũ Văn S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện ông Vũ Văn S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện đề nghị chấp nhận kháng cáo, tuyên buộc UBND huyện C phải xác định diện đất của gia đình ông Sửu là đất ở, trên cơ sở đó ban hành lại quyết định thu hồi đất, lên phương án bồi thường hỗ trợ về đất ở để đảm bảo quyền và lợi ích theo đúng quy định pháp luật.

Người bị kiện, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan: Về tố tụng quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về hướng giải quyết vụ án, sau khi phân tích nội

dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Bác kháng cáo của ông Vũ Văn S và giữ nguyên Bản án Hành chính sơ thẩm số 345/2020/HC-ST ngày 28/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính; Người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt theo khoản 4 Điều 255 Luật Tố tụng hành chính.

[2]. Về đối tượng, thời hiệu, thẩm quyền: Ngày 04/5/2020, ông Vũ Văn S khởi kiện vụ án hành chính đối với quyết định số 2617/QĐ-UBND và quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 của UBND huyện C; các Quyết định giải quyết khiếu nại số 4891/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 của Chủ tịch UBND huyện C(lần đầu), Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội(lần 2). Đây là quyết định hành chính ban hành trong quá trình bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất, thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu, thẩm quyền theo quy định tại Điều 22 Luật Đất đai; khoản 2 Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính thụ lý, giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các quyết định: Quyết định số 2617/QĐ-UBND ngày 02/5/2019, về việc thu hồi đất; Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 02/5/2019, về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện C được ban hành theo trình tự, thủ tục, thẩm quyền đảm bảo đúng quy định Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 và Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội và các văn bản pháp luật có liên quan. Các Quyết định 4891/QĐ-UBND ngày 06/8/2019, về việc giải quyết khiếu nại(lần 1) của Chủ tịch UBND huyện C; Quyết định 461/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại khoản 8 Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 18, Điều 21, Điều 31, Điều 40 Luật Khiếu nại; khoản 5 Điều 36 Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố Hà Nội.

[4]. Về căn cứ ban hành các quyết định bị khởi kiện:

[4.1]. Quyết định số 2617/QĐ-UBND ngày 02/5/2019: Ngày 25/10/2011, UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 4940/QĐ-UBND, về việc phê duyệt chỉ giới đường đỏ Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp, mở rộng và chỉnh trang 2,3km đường Quốc lộ 6 (đoạn km 19-920 đến km 22+220) qua địa phận thị trấn C, huyện C; Quyết định số 5757/QĐ-UBND ngày 12/12/2011 của UBND thành phố Hà Nội, về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình. Ngày 02/11/2011, UBND huyện C đã ban hành Thông báo số 166/TB-UBND, về chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án. Thực hiện theo Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội, về việc ban hành quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Hà Nội, về bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội, về việc ban hành quy định một số nội dung về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội. Diện tích 81,9m^2 đất của hộ ông Sửu sử dụng tại Khu Tiên S, thị trấn C bị thu hồi thực hiện Dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng và chỉnh trang Quốc lộ 6 là đất của cụ Nguyễn Thị Thực (mẹ ông Sửu) cho hộ ông Sửu. Ngày 10/01/1980, cụ Thực có đơn xin cấp đất ở, có nội dung: "…đề nghị quý ban xét chuẩn y cho gia đình tôi xin một khoảnh đất ở đầu làng Ngọc Giả, chân đường số 6 mới khoảng 80m^2 để tạo thêm chỗ ở cho các cháu, khoảnh đất này không thuộc diện đất canh tác của HTX Ngọc Hòa...". Ngày 12/02/1982, UBND xã Ngọc Hòa (nay là thị trấn C) xác nhận vào đơn xin cấp đất ở của cụ Thực, có nội dung: "…xét hoàn cảnh điều kiện gia đình quá chật hẹp, UBND xã Ngọc Hòa cho phép được sử dụng miếng đất (không ghi diện tích) cạnh đường 6 mới nằm phía Tây Bắc Núi mồ (cạnh Đài phát thanh) kể từ ngày ký". Cụ Thực không có giấy tờ chứng minh đã nộp tiền để được sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên. Ngày 11/9/1989, cụ Vũ Văn Thắm và cụ Nguyễn Thị Thực viết giấy sang tên nhà ở cho con trai là ông Vũ Văn S thửa đất diện tích rộng 100m^2, phía Đông giáp nhà bà Thúy, phía Tây giáp nhà ông Dương, phía Nam giáp đường 6 mới, phía Bắc giáp nhà bà Thúy, có xác nhận của UBND xã Ngọc Hòa. Năm 1992, hộ ông Sửu xây dựng lại nhà ở, có nộp tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế nhà, đất và sử dụng ổn định, không có tranh chấp đến thời điểm GPMB thực hiện Dự án. Căn cứ hồ sơ quản lý đất đai qua các thời kỳ lưu tại UBND thị trấn C, thể hiện Bản đồ năm 1984 của UBND xã Ngọc Hòa, thửa đất bị thu hồi thuộc thửa đất số 15, diện tích 187m^2, không xác định loại đất, không có sổ mục kê và Bản đồ chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Sổ thuế nhà đất do UBND xã Ngọc Hòa lập năm 1993 thể hiện thửa đất bị thu hồi thuộc thửa đất số 326A, diện tích 113m^2, loại đất: thổ cư; Bản đồ giải thửa 299, tỷ lệ 1/1000 xã Tiên Phương năm 2001, thửa đất bị thu hồi thuộc thửa đất số 326, diện tích 143m^2, không xác định loại đất, không có sổ mục kê và Bản đồ chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Bản đồ hiện trạng phục vụ

công tác GPMB thực hiện Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt ngày 24/12/2012, theo đó hộ ông Sửu sử dụng thửa đất số 13, tờ bản đồ số 02, diện tích 94,5m^2. Tuy nhiên, do Bản đồ không thể hiện hành lang đường điện 35KV, nên UBND huyện C đã tiến hành đo đạc lại. Theo mảnh trích đo địa chính 152-2018, tỷ lệ 1/500, do Công ty TNHH địa chính Nguyễn Long lập ngày 15/8/2018, đã được UBND huyện C phê duyệt ngày 18/01/2019, thì hộ ông Sửu sử dụng thửa đất số 11, diện tích 92,4m^2, diện tích bị thu hồi 81,9m^2, diện tích còn lại 10,5m^2. Căn cứ bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2012, tỷ lệ 1/500 để phục vụ công tác GPMB thực hiện Dự án, đối chiếu bản đồ đo vẽ năm 1984 xã Ngọc Hòa, bản đồ đo vẽ năm 2001 xã Tiên Phương và hành lang bảo vệ công trình giao thông đường Quốc lộ 6, UBND thị trấn C xác nhận: Diện tích 81,9m^2 đất bị thu hồi của hộ ông Sửu gồm: 68,5m^2 (41,9m^2 là đất của cụ Thực sử dụng từ tháng 02/1982 và 26,6m^2 đất sử dụng sau ngày 21/12/1982) là đất hành lang bảo vệ công trình giao thông đường Quốc lộ 6 và 13,4m^2 (là đất của cụ Thực sử dụng từ tháng 02/1982) vừa là đất hành lang lưới điện 35 KV vừa là đất hành lang lưu không Quốc lộ 6. Như vậy, 41,9m^2 có nguồn gốc là đất do UBND xã Ngọc Hòa xác nhận theo đơn xin đất ở tháng 02/1982 vi phạm khoản 2 mục V Quyết định số 201/CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ, hiện thuộc đất hành lang giao thông Quốc lộ 6; 13,4m^2 có nguồn gốc là đất hành lang lưới điện 35 KV quy định tại Nghị định số 161-CP ngày 20/8/1971 của Chính phủ, Công ty điện lực Chương Mỹ có văn bản xác nhận đường điện 35KV từ Ba La đến trung gian Chúc Sơn được đưa vào vận hành từ năm 1965, UBND xã Ngọc Hòa xác nhận theo đơn xin đất ở tháng 02/1982 vi phạm khoản 2 mục V Quyết định số 201/CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ; 26,6m^2 có nguồn gốc là đất hành lang bảo vệ công trình giao thông đường Quốc lộ 6 do nhà nước quản lý, hộ ông Sửu lấn, chiếm dụng vi phạm Nghị định số 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng nhưng có quan nhà nước có thẩm quyền không ngăn chăn, xử lý kịp thời. Không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định về đất công trình công cộng có hành lang bảo vệ an toàn; không đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định tại Điều 75, khoản 4 Điều 82 Luật Đất Đai năm 2013. Vì vậy, diện tích 81,9m^2 đất của hộ ông Sửu bị thu hồi thực hiện Dự án là đất hành lang giao thông không được bồi thường về đất, nên Quyết định số 2617/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 của UBND huyện C ban hành là phù hợp quy định của pháp luật.

[4.2]. Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 02/5/2019: Căn cứ vào nguồn gốc đất, văn bản xác nhận quyền sử dụng đất ở ngày 12/02/1982, bản đồ hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông Sửu năm 2012 phục vụ công tác giải phóng mặt bằng, đối chiếu với bản đồ đo vẽ năm 2009 và các quy định về hành lang giao thông quốc lộ 6, UBND thị trấn C xác định: 81,9 m^2 nằm trong chỉ giới thu

hồi hộ ông Sửu có vị trí giáp Quốc lộ 6 là đất lưu không thuộc hành lang bảo vệ đường bộ, UBND huyện C, UBND thị trấn C xác định vị trí 81,9m^2 đất bị thu hồi không có quy hoạch đất ở, đất khu dân cư, không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi không được bồi thường về đất, do vậy, yêu cầu của ông Sửu bồi thường về đất là không có căn cứ. Đối với công trình nhà ở của hộ gia đình ông Sửu xây dựng trước ngày 15/10/1993, xây dựng trên đất hành lang bảo vệ công trình giao thông đường Quốc lộ 6 và hành lang bảo vệ lưới điện 35KV (không có biện pháp ngăn chặn của cấp có thẩm quyền), UBND huyện C phê duyệt phương án chi tiết tại Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 đối với hộ ông Sửu, trong đó hỗ trợ giá trị tài sản trên phần diện tích bị thu hồi bằng 80% giá trị công trình là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội, về bồi thường hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; việc ông Sửu đề nghị phải bồi thường 100% giá trị tài sản trên đất là không có căn cứ. Sau khi bị thu hồi đất gia đình ông Sửu còn lại 10,5m^2 hiện gia đình có 5 người sinh sống. Tại vị trí giải phóng mặt bằng Khu Tiên S, gia đình ông Sửu không có chỗ ăn ở sinh hoạt nào khác. Tuy nhiên, UBND huyện C cung cấp gia đình ông Sửu được bố mẹ vợ tặng cho 170m^2 khu Bình Sơn, thị trấn C, huyện C; UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/7/2008 mang tên ông Vũ Văn S và bà Bùi Thị Hoa. Do đó, gia đình ông Sửu đã có chỗ ăn ở hợp pháp không bị ảnh hưởng đến đời sống, không được bố trí mua tái định cư là phù hợp với quy định tại Điều 79 Luật Đất đai năm 2013; Điều 26 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội, về việc ban hành các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Hà Nội về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội. Do vậy, Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 của UBND huyện C ban hành là phù hợp quy định của pháp luật.

[4.3]. Quyết định số 4891/QĐ-UBND ngày 06/8/2019, về việc giải quyết khiếu nại(lần 1) của Chủ tịch UBND huyện C: Ngày 17/5/2019, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Thông báo số 319/TB-UBND, về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu thực hiện đúng quy định tại Điều 27 Luật Khiếu nại 2011. Trong thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu quy định tại Điều 28 Luật khiếu nại 2011, Chủ tịch UBND huyện C đã ban hành Quyết định số 2916/QĐ-UBND ngày 17/5/2019, về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại, Chánh Thanh tra huyện có Báo cáo về kết quả xác minh nội dung khiếu nại là thực hiện đúng quy định tại Điều 29 Luật Khiếu nại 2011. Quyết định số 4891/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 do Phó Chủ tịch ký thay Chủ tịch UBND huyện C là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 17 Luật khiếu nại 2011, có đầy đủ các nội dung của quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu quy định tại Điều 31 Luật Khiếu nại

2011 và Điểm a khoản 1 Điều 22 Thông tư 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ; ban hành đúng thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại 2011. Quyết định số 4891/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 giữ nguyên nội dung Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 của UBND huyện C, về phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Vũ Văn S là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4.4]. Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 22/01/2020, về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội: Trong thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai quy định tại Điều 37 Luật Khiếu nại 2011, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội đã thực hiện việc xác minh khiếu nại, tổ chức đối thoại đúng theo quy định tại Điều 38, Điều 39 Luật Khiếu nại 2011. Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 do Phó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ký thay Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 18 Luật Khiếu nại 2011; đầy đủ các nội dung của quyết định giải quyết khiếu nại lần hai quy định tại Điều 40 Luật Khiếu nại 2011 và điểm a khoản 1 Điều 22 Thông tư 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ. Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 22/01/2020, về việc giải quyết khiếu nại lần hai giữ nguyên Quyết định số 4891/QĐ-UBND ngày 06/8/2019, về việc giải quyết khiếu nại(lần 1) của Chủ tịch UBND huyện C là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[5]. Xét kháng cáo của ông Vũ Văn S: Trên cơ sở nhận định trên, việc UBND huyện C ban hành các quyết định với hộ ông Vũ Văn S là đúng pháp luật, nên các quyết định giải quyết khiếu nại lần một và lần hai không chấp nhận khiếu nại của ông Vũ Văn S là có cơ sở. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bác đơn khởi kiện của ông Vũ Văn S là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Văn S, cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện không có căn cứ, không được chấp nhận.

[6]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về án phí: Ông Vũ Văn S kháng cáo không được chấp nhận, tuy nhiên, ông Vũ Văn S là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí được chấp nhận, nên không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Bác yêu cầu kháng cáo của ông Vũ Văn S.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 345/2020/HC-ST ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

3. Về án phí: Ông Vũ Văn S không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- Cục THADS Thành phố Hà Nội;
- Các Đương sự;(theo Địa chỉ)
- Lưu Hồ sơ; HCTP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Đặng Đình Lực